

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP DI LINH

Số: 284/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Di Linh, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương và
thù lao kế hoạch năm 2026**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Di Linh thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh;

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ nhiệm Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh.

Xét Tờ trình số 10/TTr-BGD ngày 04/4/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 06/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Công ty như sau:

1. Kế hoạch sử dụng lao động bình quân (kể cả Ban điều hành) là 72 người. Trong đó số thành viên Ban điều hành bình quân là 2,5 người, số người lao động bình quân là 69,5 người.

2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Trưởng Ban kiểm soát là 1.632 triệu đồng. Trong đó:

a) Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên là 74 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 888 triệu đồng.

b) Mức tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát là 62 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 744 triệu đồng.

3. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng thành viên là 240 triệu đồng, tương ứng với 3,34 người, mức thù lao là 6 triệu đồng/tháng. **(Trong năm 2026, có 02 người miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng thành viên từ Tháng 9/2026)**

4. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của Ban điều hành là 1.740 triệu đồng. Trong đó:

a) Mức tiền lương của Giám đốc là 63 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 756 triệu đồng.

b) Mức tiền lương của Phó giám đốc là 56 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 672 triệu đồng.

c) Mức tiền lương của Kế toán trưởng là 52 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 312 triệu đồng. **(Trong năm 2026 đồng chí Kế toán trưởng nghỉ thai sản 6 tháng)**

5. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của người lao động là 10.173 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Công ty có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tại Điều 1 theo đúng quy định.

2. Căn cứ Quỹ tiền lương đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạm ứng tiền lương cho người quản lý và người lao động theo quy định của Công ty.

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì báo cáo Hội đồng thành viên Công ty xem xét, quyết định.

Điều 3. Giám đốc Công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*KT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng thành viên;
- BGD, KSV Công ty;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Thái

Số: 10 /TTr-BGD

Di Linh, ngày 04 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Hội đồng thành viên Công ty

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 269/NQ-HĐTV ngày 20/01/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty về việc thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Di Linh;

Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 đã được UBND tỉnh Lâm Đồng và Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh kính đề nghị Hội đồng thành viên Công ty xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Lao động:

- Số lao động bình quân (kể cả Ban điều hành) kế hoạch năm 2026 là 72 người. Trong đó:

+ Số người lao động là 69,5 người, tăng 2,5 người so với thực hiện năm 2025.

+ Số thành viên Ban điều hành là 2,5 người gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 0,5 Kế toán trưởng, giảm 0,5 người so với thực hiện năm 2025 vì đồng chí Kế toán trưởng nghỉ thai sản 6 tháng.

- Thành viên Hội đồng chuyên trách có 01 người là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách có 01 người đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát.

- Thành viên Hội đồng thành viên không chuyên trách có 3,34 người. Giảm 0,66 người vì có 02 người được miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐTV vào Tháng 9 năm 2026.

(kèm theo biểu mẫu số 1)

2. Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành:

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026: 11.913.000.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương của người lao động: 10.173.000.000 đồng;

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành: 1.740.000.000 đồng. Trong đó:

+ Mức tiền lương của Giám đốc: 63 triệu đồng/tháng.

+ Mức tiền lương của Phó giám đốc: 56 triệu đồng/tháng.

+ Mức tiền lương của Kế toán trưởng: 52 triệu đồng/tháng.

(kèm theo biểu mẫu số 2)

3. Mức tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát:

a) Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên: 74 triệu đồng/tháng.
- Trưởng ban kiểm soát: 62 triệu đồng/tháng.

b) Mức thù lao của Thành viên Hội đồng thành viên: 6 triệu đồng/tháng.

(kèm theo biểu mẫu số 3)

Trên đây là Tờ trình phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Công ty. Kính đề nghị Hội đồng thành viên xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định./, *10/17*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD; KSV Công ty;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hiếu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Biểu mẫu số 1

(Kèm theo Tờ trình số: 10 /TTr-BGD ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

Đơn vị tính: Người

TT	Tổng số	Tình hình sử dụng lao động năm trước					Kế hoạch sử dụng lao động năm 2026		
		Số lao động bình quân năm kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Số lao động mới trong năm	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động sử dụng bình quân thực tế sử dụng trong năm	Số lao động mới trong năm	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động bình quân năm kế hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Người quản lý, Kiểm soát viên, trong đó:	9	9	0	0	9	0	1,16	7,84
-	Số thành viên Ban điều hành	3	3	0	0	3	0	0,5	2,5
-	Thành viên Hội đồng chuyên trách	1	1	0	0	1	0	0	1
-	Kiểm soát viên chuyên trách	1	1	0	0	1	0	0	1
-	Thành viên Hội đồng không chuyên trách	4	4	0	0	4	0	0,66	3,34
2	Lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ	49	46	2	2	46	0	0	46
3	Công nhân trực tiếp SXKD	12	18	5	11	12	2,5	0	14,5
4	Lao động thừa hành phục vụ	9	9	0	1	9	0	0	9
	Tổng cộng	75	78	7	14	72	2,5	0,5	74

Người lập biểu



Trần Hoàng Nhất

Di Linh, ngày 04 tháng 4 năm 2026



Giám đốc

Trương Văn Hiếu

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2026
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

(đối với doanh nghiệp xác định quỹ lương thông qua mức lương bình quân)

(Kèm theo Tờ trình số: 10 /TTr-BGD ngày 04 tháng 4 năm 2026 của

Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	2	3	4	5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh			
1	Tổng sản phẩm (Kể cả quy đổi)			
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	46.168	48.600
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	30.369	31.975
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	2.718	2.840
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	2.214	2.360
6	Năng suất lao động (Tổng doanh thu - Tổng chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đồng/năm	225,700	230,903
II	Tiền lương của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao)			
1	Số lao động bình quân, trong đó:	Người	70	72
-	Số thành viên Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm) bình quân	Người	3	2,5
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	Người	67	69,5
2	Tiền lương bình quân của người lao động và Ban điều hành, trong đó:	1.000đ/tháng	13.788	13.788
a)	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	1.000đ/tháng	12.463	12.198
b)	Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm), trong đó:	1.000đ/tháng	43.389	58.000
-	Giám đốc	1.000đ/tháng	47.750	63.000
-	Phó giám đốc	1.000đ/tháng	42.917	56.000
-	Kế toán trưởng	1.000đ/tháng	39.500	52.000
3	Quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành, trong đó:	Tr.đồng	11.582	11.913
-	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng		
-	Phần tiền lương thực hiện tăng thêm khi lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (nếu có)	Tr.đồng		
-	Phần quỹ lương theo sản phẩm, dịch vụ công (đối với doanh nghiệp vừa thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, vừa thực hiện hoạt động SXKD)	Tr.đồng	11.582	11.913
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng		
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao			
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người		
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng		
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng		

4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng		
IV	Tiền thưởng			
1	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	Tr.đồng	2.505	2.543
2	Tiền thưởng bình quân của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao). Trong đó:	1.000đ/tháng	4.457	5.725
-	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	1.000đ/tháng	1.558	1.525
-	Giám đốc	1.000đ/tháng	5.969	7.875
-	Phó giám đốc	1.000đ/tháng	5.365	7.000
-	Kế toán trưởng	1.000đ/tháng	4.938	6.500
3	Tiền thưởng bình quân của lao động công nghệ cao	1.000đ/tháng		

Di Linh, ngày 04 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu

Trần Hoàng Nhất

Trần Hoàng Nhất



Giám đốc

Trương Văn Hiếu

- I. Thuyết minh quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 của người lao động và Ban điều hành**
- i. Tổng doanh thu, chi phí chưa có lương, lợi nhuận kế hoạch năm 2026:**
- 1.1. **Tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 là: 48.600 triệu đồng**
- 1.2. **Tổng chi phí chưa có lương là: 31.975 triệu đồng**
- 1.3. **Lao động bình quân sử dụng: 72 người**
- 1.4. **Năng suất lao động: $(48.600 - 31.975)/72 = 230,903$**
- 1.5. **Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2026:**
 $48.600 - 31.975 - 11.913 - 1.632 - 240 = 2.840$ triệu đồng

2. Quỹ tiền lương kế hoạch 2026 của người lao động và Ban điều hành:

- Tổng số lao động và thành viên Ban điều hành kế hoạch năm 2026 là 72 người, tăng 02 lao động so với thực hiện năm 2025.
 - Năng suất lao động kế hoạch năm 2026 cao hơn so với thực hiện 2025 ($230,903/225,700$)
 - Lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2026 (2.840 triệu đồng) cao hơn 4,49% so với thực hiện năm 2025 (2.718 triệu đồng).
- Để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận Công ty lựa chọn mức tiền lương kế hoạch bằng mức tiền lương thực hiện năm 2025.
- Quỹ tiền lương kế hoạch được tính như sau:
- $Q_{kh} = TL_{bqkh} \times L_{khhq} \times 12$
 $TL_{bqkh} = 13.788$ triệu đồng/người/tháng; $L_{khhq} = 72$ người.
 - $Q_{kh} = 13.788 \times 72 \times 12 = 11.913$ triệu đồng. Trong đó:
- + **Quỹ lương của người lao động: 10.173 triệu đồng**
 - + **Quỹ lương của Ban điều hành: 1.740 triệu đồng. Trong đó:**
 - Mức tiền lương của Giám đốc: 63 triệu đồng/tháng
 - Mức tiền lương của Phó giám đốc: 56 triệu đồng/tháng
 - Mức tiền lương của Kế toán trưởng: 52 triệu đồng/tháng
 - (Trong năm 2026, Kế toán trưởng nghỉ thai sản 6 tháng)

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2026
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: 10 /TTr-HĐTV ngày 04 tháng 4 năm 2026 của
Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	2	3	4	5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh			
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	191.250	191.250
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	46.168	48.600
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	30.369	31.975
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	2.718	2.840
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	2.214	2.360
II	Mức lương của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách			
1	Số Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Người	2	2
2	Nhóm II, Mức 4			
3	Mức lương cơ bản, trong đó:			
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tr.đ/tháng	37	37
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/tháng	31	31
4	Mức tiền lương được hưởng, trong đó:			
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tr.đ/tháng	56,158	74
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/tháng	47,073	62
III	Thù lao của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách			
1	Số Thành viên hội đồng	Người	4	3,34
2	Thành viên hội đồng	Tr.đ/tháng	5,42	6,00
IV	Tiền thưởng			
1	Quỹ tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên	Tr.đồng	187	234
2	Tiền thưởng bình quân của người quản lý, Kiểm soát viên, trong đó:	Trđ/tháng	4,53	5,92
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Trđ/tháng	7,0	9,3
-	Trưởng ban kiểm soát	Trđ/tháng	5,9	7,8
-	Các Thành viên hội đồng	Trđ/tháng	0,68	0,75

Người lập biểu

Trần Hoàng Nhất

Trần Hoàng Nhất

Di Linh, ngày 04 tháng 4 năm 2026

Giám đốc



Trương Văn Hiếu

I. Thuyết minh kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

1. Tổng doanh thu, chi phí chưa có lương, lợi nhuận kế hoạch năm 2026:

1.1. **Tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 là: 48.600 triệu đồng**

1.2. **Tổng chi phí chưa có lương là: 31.975 triệu đồng**

1.3. **Lao động bình quân sử dụng: 72 người**

1.4. **Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2026:**

$48.600 - 31.975 - 1.913 - 1.632 - 240 = 2.840$ triệu đồng.

cao hơn 4,49% so với thực hiện năm 2025 (2.718 triệu đồng)

2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch 2026:

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát:

- Công ty xây dựng lợi nhuận kế hoạch năm 2026 cao hơn thực hiện năm 2025.

- Để đảm bảo lợi nhuận, Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch năm 2026 bằng 02 lần mức lương cơ bản.

(Mức lương cơ bản được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 4 Nghị định 248/2025/NĐ-CP, Nhóm II, Mức 3)

+ Mức tiền lương của Chủ tịch HĐQT: $37 \times 2 = 74$ triệu đồng/tháng

+ Mức tiền lương của Trưởng ban kiểm soát: $31 \times 2 = 62$ triệu đồng/tháng

- Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2026 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát là:

$Q_{khct} = (74 + 62) \times 12 = 1.632$ triệu đồng.

2.2. Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng

- Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 thì:

"Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách"

- Mức lương cơ bản của Thành viên HĐQT chuyên trách theo khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 (Nhóm II, Mức 3) là 30 triệu đồng/tháng.

- Để đảm bảo lợi nhuận, Công ty đề xuất mức thù lao là: $30 \text{ triệu đồng} \times 20\% = 6 \text{ triệu đồng/người/tháng}$

- Số lượng Thành viên Hội đồng thành viên kế hoạch 2026: 3,34 người **(Trong năm 2026, có 02 người là Thành viên Hội đồng thành viên được miễn nhiệm vào Tháng 9/2026)**

- Tổng quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng thành viên:

$Q_{tvkh} = 6 \times 3,34 \times 12 = 240$ triệu đồng

2.3. Quỹ tiền thưởng thực hiện của Thành viên hội đồng và Kiểm soát viên

$(1.632 + 240)/12 \text{ tháng} \times 1,5 \text{ tháng lương} = 234$ triệu đồng, *10,6%*